

# NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

## HÀNH VI HỎI TRONG GIAO TIẾP VỢ CHỒNG NÔNG DÂN NGƯỜI VIỆT GIAI ĐOẠN 1930-1945 (qua ngữ liệu tác phẩm văn học 1930-1945)

QUESTIONING IN COMMUNICATION OF VIETNAMESE PEASANT CONJUGAL  
LIFE IN THE PERIOD 1930-1945 ( THROUGH LITERARY WORKS 1930-1945)

KHUẤT THỊ LAN

(ThS-NCS; Đại học Sư phạm Hà Nội 2)

**Abstract:** In all areas of communication, questioning is considered a universal phenomenon in language as well as in human life. This is a multifaceted and complex issue which contains a lot of attractions because it not only displays “the unknown”, “the un-clear” but also manifests the depth of culture, psychology, traditions and customs of the community of Vietnamese speakers. To clarify the above-mentioned, we conduct the study of questioning as a speech act in communication of the peasant conjugal life.

**Key words:** communication; conjugal communication; peasant conjugal life; questioning.

### 1. Đặt vấn đề

Theo quan điểm của ngữ dụng học, hỏi là một động từ ngữ vi với hành động ngôn trung là hành động hỏi. Trong tiếng Việt, hành vi hỏi có thể được thể hiện bằng các biểu thức ngôn ngữ có chứa động từ ngữ vi “hỏi” và biểu thức không có động từ ngữ vi “hỏi”. Với tư cách là hành vi ở lời, hành vi hỏi có cấu trúc cơ bản gồm hai phần: Nội dung mệnh đề (kí hiệu là p), là thành phần nội dung biểu thị cấu trúc nghĩa miêu tả. Hiệu lực ở lời (kí hiệu là F), là thành phần biểu thị đích của hành vi hỏi hay nói cụ thể chính là hiệu lực hỏi. Ngoài ra, đối với hành vi hỏi còn (có thể có hoặc không) động từ ngữ vi “*hỏi*”- động từ chỉ dẫn hành động được biểu thị trong hành vi hỏi. Ngoài thành phần nghĩa hiển ngôn, trong hành vi hỏi còn có một số kiểu thông tin ngữ dụng bổ trợ như: thông tin về quan hệ vai ; thông tin này chi phối việc lựa chọn từ xưng hô hay tiểu từ nghi vấn; thông tin về thái độ, tình cảm của người nói với người nghe cùng với những đánh giá ; thông tin định vị, quy chiếu cái được nói đến; thông tin quan hệ, sự liên kết giữa các phát ngôn, các tham thoại; thông tin trích dẫn lời nói trước và thông tin về phương tiện thể hiện

nghe vấn... Với những đặc trưng trên, hành vi hỏi được xem là loại hành vi ngôn ngữ dễ nhận diện và có khả năng biểu đạt nhiều phương diện thông tin ngữ nghĩa, góp phần quan trọng trong việc phát triển chiến lược giao tiếp.

Nghiên cứu hành vi hỏi trong giao tiếp vợ chồng người Việt giai đoạn 1930-1945, chúng tôi đã tiến hành khảo sát gần 200 cuộc hội thoại (qua tư liệu tác phẩm văn học tiêu biểu của Nam Cao, Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, Nguyên Hồng, Kim Lân, Tô Hoài,...) và phân thành hành vi hỏi trực tiếp và hành vi hỏi gián tiếp.

### 2. Hành vi hỏi trực tiếp trong giao tiếp vợ chồng nông dân người Việt giai đoạn 1930-1945 (qua tư liệu tác phẩm văn học)

**1) Số lượng:** Hành vi hỏi trực tiếp trong giao tiếp vợ chồng nông dân được sử dụng: 215/340 (chiếm 63,2% hành vi hỏi). Trong đó: Hành vi hỏi trực tiếp của vợ là 90/215 (chiếm 41,8%); Hành vi hỏi trực tiếp của chồng là 125/215 (chiếm 58,2%). Có thể thấy, nhìn về toàn cục, hành vi hỏi trực tiếp được sử dụng ở cả vợ và chồng và có tần số xuất hiện chênh lệch. Đáng chú ý là hành vi hỏi được sử dụng nhiều ở nam giới (chồng), bao gồm 125/215 chiếm 58,1%

lượt hỏi trực tiếp; còn nữ giới (vợ) chỉ sử dụng 90/215 chiếm 41,8%. Kết quả này trái với dự đoán của chúng tôi, vì chúng tôi cho rằng: hành vi hỏi của người vợ đáng lý được thực hiện nhiều hơn ở người chồng (do ảnh hưởng của ngôn ngữ giới). Nguyên nhân của hiện tượng này, theo chúng tôi là do đặc điểm tính cách giới và hoàn cảnh xã hội giai đoạn 1930-1945 chi phối.

Về đặc điểm tính cách giới chi phối hành vi hỏi trực tiếp: người đàn ông có tính cách cương trực, thẳng thắn, đôi lúc nóng nảy, thô thiển nên thường sử dụng hành vi ngôn ngữ điều khiển, đặc biệt là hành vi hỏi và sai khiến. Vì thế, người chồng thường có thói quen thích hỏi nhưng lại không thích việc phải trả lời các câu hỏi của người khác, không muốn lắng nghe người khác phàn nàn, kể lể, đặc biệt là từ vợ mình. Ngược lại, phụ nữ với bản năng nhẹ nhàng, khéo léo, nhẫn nại, hi sinh nên họ thường tránh hoặc ít sử dụng hành vi ngôn ngữ có chức năng điều khiển hơn đàn ông.

Về hoàn cảnh xã hội chi phối hành vi hỏi trực tiếp: thời kỳ 1930-1945 là thời kỳ tàn dư của chế độ phong kiến, cho nên người đàn ông, trong xã hội lúc bấy giờ vẫn chịu ảnh hưởng sâu sắc tư tưởng trọng nam khinh nữ, gia trưởng, tự cho mình là bậc trên vợ con. Ngược lại, người phụ nữ do chưa khẳng định được vị thế của mình nên họ thường dè dặt khi muốn thực hiện hành động chất vấn, chỉ bảo, sai khiến... Có lẽ vì thế, họ ít sử dụng hành vi hỏi hơn so với chồng. Từ đó cho thấy, với mỗi hành vi ngôn ngữ khác nhau thì hai giới cũng có những cách ứng xử và sử dụng khác nhau.

**2) Chủ đề:** Có rất nhiều chủ đề hỏi trực tiếp được nhắc đến trong giao tiếp vợ chồng. Nổi lên là 9 chủ đề: miếng cơm, manh áo, tiền bạc (1); sưu thuế, phu phen, tạp dịch (2); phong cách sống sinh hoạt hàng ngày (3); những sự kiện trong gia đình (4); những mối quan hệ xã hội (5); tình cảm vợ chồng, con cái (6); cách làm ăn, làm giàu (7); mua quan bán chức (8); văn hóa, vui chơi, giải trí (9). Trong 9 chủ đề thì mức độ xuất hiện có khác nhau:

- Chủ đề về miếng cơm, manh áo, tiền bạc được nhắc đến nhiều nhất (25% ở chồng và 35% ở vợ). Tuy được nhắc đến nhiều nhất nhưng đây lại là chủ đề được vợ và chồng nhắc đến không đồng đều (cụ thể: 35% ở vợ vượt trội so với 25% ở chồng). Theo chúng tôi, có hiện tượng này xuất phát từ lý do chủ yếu là người vợ do thường xuyên phải lo toan, phải đối mặt trực tiếp với những vấn đề miếng cơm, manh áo, đồng tiền, bát gạo nên họ thường quan tâm và nói về các chủ đề đó nhiều hơn chồng. Mặt khác, chồng mặc dù là trụ cột trong gia đình nhưng chỉ lo những công to, việc lớn, vì thế họ ít quan tâm đến những vấn đề nhỏ như vấn đề miếng cơm, manh áo, đồng tiền, bát gạo. Theo đó, hành vi hỏi về chủ đề này ở chồng được sử dụng ít hơn vợ cũng là điều hợp lý.

- Chủ đề về sưu thuế, phu phen, tạp dịch là chủ đề tiếp theo được vợ chồng nông dân nhắc đến nhiều trong các hành vi hỏi của mình (17% ở vợ và 35% ở chồng). Khác với chủ đề cơm áo gạo tiền, chủ đề phu phen, tạp dịch, sưu thuế lại được người chồng nhắc đến nhiều hơn (35%) so với người vợ (17%). Sở dĩ có hiện tượng này, chúng tôi cho rằng vì đây là chủ đề có liên quan đến tiền bạc song lại ở lĩnh vực xã hội. Nó thường gắn với trách nhiệm và nghĩa vụ của người đàn ông (chồng). Vì thế, người chồng thường nhắc đến chủ đề này nhiều hơn vợ.

- Được nhắc đến ít nhất là những chủ đề về tình cảm vợ chồng, con cái (6% ở chồng và 5% ở vợ), chủ đề về cách thức làm ăn, làm giàu (là 5% chia đều cho cả vợ và chồng). Được vợ và chồng nhắc đến ít và với tỉ lệ tương đối đồng đều ở những chủ đề trên, chúng tôi cho đây là những chủ đề mà cả vợ và chồng đều không quan tâm và không có nhu cầu giao tiếp. Theo quan sát của chúng tôi, có hiện tượng này là vì đối với người nông dân, đây chỉ là những thứ viển vông không phải là thực tế trước mắt. Vì thế, họ sử dụng hạn chế số lượng hành vi hỏi về những chủ đề này.

- Riêng chủ đề văn hóa, vui chơi, giải trí và chủ đề mua quan bán chức tuyệt nhiên không thấy được nhắc đến trong giao tiếp của vợ chồng nông dân (0% ở cả vợ và chồng). Lý do có lẽ bởi,

người nông dân từ nghìn đời xưa vốn chỉ quen cày cuốc, bán mặt cho đất, bán lưng cho trời, lam lũ, vất vả. Họ lao động cật lực mà không đủ ăn nói gì đến những nhu cầu vui chơi, giải trí. Xuất phát từ hoàn cảnh và đặc thù giai cấp nên trong ý thức của người nông dân không tồn tại những nhu cầu sa xỉ, càng không đủ tâm và tầm để nghĩ đến chuyện quan trường xảo trá, thị phi. Theo đó, hành vi hỏi về những chủ đề này hầu như không được vợ chồng nông dân sử dụng.

**3) Biểu thức:** Có thể xếp thứ tự như sau:

- Hỏi chuyên biệt được dùng với số lượng nhiều nhất: ở vợ 40/90, chiếm 44,5% và ở chồng 48/125, chiếm 39,2%. Trường hợp sử dụng: người nói chưa biết về một chi tiết nào đó của đối tượng được nhắc đến và hỏi nhằm mục đích thỏa mãn thông tin về chi tiết của đối tượng đó. Biểu thức: **p + ĐTNV (ai, gì, cái gì, nào, cái nào...)?** (hỏi về sự vật)/ **p + ĐTNV (thế nào, ra sao, làm sao, làm gì...)?** (hỏi về đặc trưng của sự vật)/ **p + ĐTNV (bao nhiêu, mấy...)?** (hỏi về số lượng)/ **p + ĐTNV (bao giờ, bao lâu...)?** (hỏi về thời gian)/ **p + ĐTNV (sao, ra sao, làm sao, tại sao vì sao...)?** (hỏi về nguyên nhân), **p + ĐTNV (đâu...)?** Ví dụ:

(1) Nó làm sao thế? (Tuyển tập Nam Cao, Nghèo, tr13)

(2) Thầy em ơi! Thầy em làm sao thế? (Tuyển tập Nam Cao, Điều vẫn, tr 277)

(3) Bố nó hôm nay kiếm được bao nhiêu tít cả...? (Tuyển tập Nam Cao, Bà lão lòa, tr 365)

(4) Đong mấy hào?... (Tuyển tập Nam Cao, Trẻ con không được ăn thịt chó, tr 143-144)

Có khi người nói dùng liên tiếp nhiều hỏi chuyên biệt trong một lượt lời (hỏi dồn). Ví dụ :

(5) Thế nào? Thầy em có mệt lắm không? Sao chậm về thế? Trán đã nóng lên đây mà!

(6) Từ sáng đến giờ đi đâu? Hỏi vay của ai? (Ngô Tất Tố, Tắt đèn, tr 27-28)

- Hỏi tổng quát: ở vợ 24/90, chiếm 26,7% và ở chồng 34/125, chiếm 26,4. Trường hợp sử dụng: người nói bày tỏ điều mình chưa biết và đặt người nghe vào tình trạng cần phải trả

lời về những điều mà người nói muốn biết. Biểu thức: **Có + p + không? Còn + p + không? Sao + p + thế?** . Ví dụ:

(7) Thế nào? U nó đã sang nhà cụ nghị Quế hay chưa? (Ngô Tất Tố, Tắt đèn, tr 57)

(8) Nhà còn gạo không? (Nam Cao, Trẻ con không được ăn thịt chó, tr 143)

- Hỏi lựa chọn: ở vợ 17/90, chiếm 18,9% và ở chồng 22/125, chiếm 17,6% ). Trường hợp sử dụng: người nói đưa ra những khả năng khác nhau, những khả năng đó được người nghe nhận biết và lựa chọn hồi đáp vào một trong những khả năng đã được nêu ra. Biểu thức: **p1 + hay, hoặc + p2; phải chăng, hay là + p ...** Ví dụ :

(9) Có phải lên con sốt rét hay không?

(10) U nó đã sang nhà cụ nghị Quế hay chưa?

(11) Có được đồng nào hay không?

(12) Thế bây giờ thầy em đã định vay đâu hay chưa?

(13) Tôi đã nói với cụ nghị Quế ở thôn Đoài... hay là bán quách...

(Ngô Tất Tố, Tắt đèn, tr 28-29)

- Hỏi tình thái: ở vợ 14/90, chiếm 15,5% và ở chồng 10/125, chiếm 8,8%. Trường hợp sử dụng: hướng người nghe tới việc chấp nhận thông tin (tiền giả định) mà người nói đang muốn đề cập tới. Biểu thức: **p + à, u, nhỉ, nhé...chẳng, sao, làm thế nào, hử, hử,...** (xuất hiện ở cuối mỗi hành vi hỏi)/ **p + chắc, chứ, nhỉ** (đầu hoặc cuối hành vi hỏi). Ví dụ:

(14) Không thế để nó ăn hết, hử? (Nam Cao, Con mèo, tr 116)

(15) Không có sơi, không bán thì để mà thờ ông tổ nhà mày, hử? (Nam Cao, Thôi đi về, tr 190)

(16) Quan bắt thầy nó vào chỗ chết mà cũng nghe à? (Nguyễn Công Hoan, Ngậm cười, tr 278)

- Hỏi giả thiết: ở vợ 6/90, chiếm 6,7% , ở chồng 10/125, chiếm 8%. Trường hợp sử dụng: người nói áp đặt tính khẳng định; cũng có khi được dùng khi người nói cần xác định tính đúng/sai (chân lý) của một mệnh đề. Biểu thức: **PTNV (có phải, có đúng, có thật...) + p +**

*PTNV (không, chẳng)?; p + PTVN (hay chưa, đây chứ...)?; p + có...phải không/ (có) đúng không/ (có) thật không?; p + hay chưa/dây chứ?; p + phỏng/ chẳng? phải chăng là + p?... Ví dụ:*

(17) *Chắc thầy em mệt lắm thì phải?* (Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*, tr 27-28)

(18) *Hay là chỗ trói đau quá?* (Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*, tr 57)

(19) *Cụ ấy bằng lòng đây chứ?* (Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*, tr 57)

## 2. Hành vi hỏi gián tiếp trong giao tiếp vợ chồng nông dân người Việt giai đoạn 1930-1945 (qua tư liệu tác phẩm văn học)

**1) Số lượng:** Hành vi hỏi gián tiếp được sử dụng trong giao tiếp vợ chồng nông dân là: 125/340 (chiếm 36,8% hành vi hỏi). Số lượng hành vi hỏi gián tiếp được sử dụng trong giao tiếp vợ chồng thấp hơn so với hành vi hỏi trực tiếp và vợ sử dụng hành vi hỏi gián tiếp nhiều hơn so với chồng: 65/125, chiếm 52% của vợ so với 50/125, chiếm 40% của chồng. Nguyên nhân của hiện tượng này theo chúng tôi là do đặc điểm tính cách ở mỗi giới và hoàn cảnh xã hội chi phối, chẳng hạn, người chồng thường có tính cách thẳng thắn, không thích vòng vo... nên thường ít sử dụng hành vi hỏi gián tiếp; ngược lại, người vợ vốn có bản tính khéo léo, nhẹ nhàng, ít nói trực diện vào vấn đề nên thường sử dụng hành vi hỏi gián tiếp nhiều hơn chồng. Mặt khác, trong xã hội lúc bấy giờ, dù có xuất thân từ giai cấp nông dân thì người đàn ông (chồng) vẫn mang đậm tính gia trưởng, quyền uy không thích nói nhiều. Còn người phụ nữ thời đó do chưa khẳng định được vị trí của mình trong gia đình cũng như ngoài xã hội nên họ không đủ tự tin để nói thẳng, nói thật nên buộc phải tìm đến cách nói bóng gió hay rào đón, quanh co.

**2) Chủ đề:** Qua thống kê, chúng tôi thấy, dù cách hỏi có khác nhau (trực tiếp hoặc gián tiếp) song các chủ đề được nhắc đến trong giao tiếp vợ chồng vẫn xoay quanh 9 chủ đề được nói đến nhiều nhất trên. Chỉ có điều nếu những chủ đề ấy được thể hiện trong hành vi hỏi trực tiếp một cách tường minh thì nó lại được thể hiện trong

những hành vi hỏi gián tiếp dưới hình thức ngầm ẩn.

- Trong giao tiếp vợ chồng nông dân, được nhắc đến nhiều nhất vẫn là chủ đề về miếng cơm, manh áo, tiền bạc (23% ở chồng và 25% ở vợ), chủ đề về sưu thuế, phu phen, tạp dịch (21% ở chồng và 18% ở vợ). Được nhắc đến ít nhất là những chủ đề về con cái, học hành (6% ở chồng và 9% ở vợ); chủ đề về văn hóa, vui chơi, giải trí (là 2% ở chồng và vợ là 0%). Riêng chủ đề mua quan bán chức tuyệt nhiên không thấy được nhắc đến trong các hành vi hỏi gián tiếp của vợ chồng nông dân (0% ở cả vợ và chồng). Như vậy về cơ bản, chủ đề trong hành vi hỏi gián tiếp có sự tương đồng so với hành vi hỏi trực tiếp. Điều này được chúng tôi lí giải như sau:

### 3) Biểu thức:

Hành vi hỏi gián tiếp được sử dụng trong giao tiếp vợ chồng nông dân rất linh hoạt. Có thể xếp theo thứ tự như sau:

- Thực hiện đích than vãn, căn vặn, mĩa mai, trách móc, chủ yếu được sử dụng ở vợ (18 lần, chiếm 24% ở vợ và 7 lần, chiếm 14% ở chồng) với biểu thức ***p + hay sao, gì nào, nào nữa, thế nào, thôi mà...?***. Nguyên nhân của hiện tượng này, theo chúng tôi là do hoàn cảnh xã hội và đặc trưng ngôn ngữ giới chi phối. Người phụ nữ nói chung và người vợ trong gia đình nông dân thời kì 1930-1945 nói riêng là những người phải đối diện với rất nhiều vấn đề bức xúc như vấn đề miếng cơm, manh áo, gạo, tiền, vấn đề bị chồng xem thường... Vì thế nên họ thường xuyên than vãn, mĩa mai, trách móc. Thêm vào đó, giới nữ thường có tư duy than vãn, kể lể, mĩa mai, trách móc... nên ngôn ngữ họ cũng in đậm dấu ấn đó. Ví dụ:

(20) *Sao mà cái kiếp tôi nó khổ như thế này?* (Nam Cao, *Nửa đêm*, tr 54)

(21) *Thế sao thầy em không đến ông câu hỏi tam láy một đồng vậy?* (Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*, tr 28)

(22) *Thầy nó nỡ bỏ mẹ con tôi chết đói hay sao?* (Nguyễn Công Hoan, *Ngậm cười*, tr 278)

(23) *Mới có nửa chai thôi mà?* (Nam Cao, *Rình trộm*, tr 233)

- Thực hiện đích ra lệnh hoặc dọa nạt lại chủ yếu được thực hiện ở chồng (12 lần, chiếm 24% ở chồng và 16 lần, chiếm 21% ở vợ) với biểu thức **có + p không + thì bảo?** Ví dụ::

(24) Cái thứ người đầu mà ngang như cua vậy?

(25) Phải biết: tao muốn mất tiền làm gì chứ? (Nam Cao, *Trẻ con không được ăn thịt chó*, tr 143)

- Thực hiện đích khẳng định tuyệt đối, bao gồm có hành vi bác bỏ, phản đối, thuyết phục (21% ở vợ và 22% ở chồng) và hành vi gián tiếp với đích phủ định khả năng p đe dọa hoặc gây hiệu quả xấu cho phát ngôn, bộc lộ thái độ thách thức hoặc bất chấp cũng được vợ chồng nông dân thường xuyên sử dụng (11% ở vợ và 14% ở chồng). Biểu thức **DTNV + chẳng, chả, biết... + p?** là biểu thức thường dùng với mục đích gián tiếp thực hiện hành vi khẳng định tuyệt đối. Biểu thức **p + đã sao, xem sao, gì nào...?** thường được dùng với mục đích gián tiếp phủ định, bộc lộ thái độ thách thức hoặc bất chấp. Ví dụ:

(26) Được rồi, không khiến đuối. Để xem nó ăn gì nào? (Nam Cao, *Con mèo*, tr 117)

(27) Mình chẳng thí cho một đồng xu dính gì, mình cứ đi phu, xem sao nào? (Nam Cao, *Mua danh*, tr 209)

(28) Người ta đùa đây chứ ai chịu bán? Có ba sào vườn bán đi thì ở đâu? (Nam Cao, *Làm tổ*)

- Thực hiện đích an ủi, khuyên,... được sử dụng với tần xuất thấp trong giao tiếp của cả vợ và chồng nông dân: 7% ở vợ, 10% ở chồng và 5% ở vợ, 10% ở chồng) thực hiện đích chào. Biểu thức thực hiện đích khuyên, an ủi là : **p + có sao đâu, làm thế nào?**; Biểu thức **p + đây à, đây ư?** thực hiện đích chào. Ví dụ:

(29) Nhưng chết cái ăn của người ta mãi, chẳng lẽ không mời lại người ta một bữa thì cái mặt mình còn ra mặt gì? (Nam Cao, *Trẻ con không được ăn thịt chó*, tr 142)

(30) Sau này trời cho làm ăn khá giả, thì lại sang chúc nó về, có sao đâu? - Nếu thấy em cứ

kêu khóc mãi, lở ra cơn bệnh vát lên, lại là người đi, thì tôi biết làm thế nào? (Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*, tr 115)

### 3. Kết luận

Hành vi hỏi, trong giao tiếp, được người Việt nói chung và vợ chồng nông dân người Việt nói riêng sử dụng với nhiều hiệu lực ở lời khác nhau. Hỏi không chỉ để xác nhận thông tin, khai thác thông tin, yêu cầu trả lời mà trong giao tiếp ngôn ngữ hỏi thực chất còn để thể hiện một lời chào, sự mỉa mai, trách móc, khẳng định, phủ định hoặc có thể hỏi để khuyên nhủ, hỏi để lảng tránh câu trả lời, hỏi để gây nên một trạng thái cảm xúc nào đó... Hỏi còn để thực hiện một trong những hành vi như: đánh giá khen chê, ra lệnh, bác bỏ, đe dọa, hoặc có thể hỏi để thực hiện hành vi đưa đẩy, hành vi lựa chọn...Hành vi hỏi đáp ứng nhu cầu thông tin giữa những người tham gia giao tiếp làm tăng thêm hiểu biết lẫn nhau và củng cố cho những mối quan hệ theo những đích hoặc hướng giao tiếp nhất định. Đối với giao tiếp vợ chồng, hành vi hỏi là một trong những hành vi phổ biến, góp phần tạo nên sắc diện riêng của giao tiếp vợ chồng và sự phong phú về mặt ngôn ngữ.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Diệp Quang Ban (2007), *Ngữ pháp tiếng Việt (dùng cho Cao đẳng)*. Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
2. Đỗ Hữu Châu (2003), *Đại cương ngôn ngữ học, tập 2*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Cao Xuân Hạo (2007), *Tiếng Việt sơ thảo ngữ pháp chức năng*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Hoàng Phê (chủ biên) (2000), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.

### Tư liệu:

1. Nam Cao, *Tuyển tập Nam Cao (tập 1,2)*, Nxb Văn học, 2000
2. Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*, Nxb Văn học, 2010
3. Nguyễn Công Hoan (2000), *Tuyển tập Nguyễn Công Hoan, tập 2*, Nxb Hội nhà văn.